



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 500469

VEWL#: 29157

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TÔN THẬT NHIỀU
Last Middle First

Current Address: 30/B55 ĐƯỜNG 3 Tháng 2 P.12 Q.10 TP HOCHIMINH

Date of Birth: 6th September 1929 Place of Birth: Văn xã Thừa Thiên

Previous Occupation (before 1975): Police Lieutenant Colonel - Inspector of the Phoenix Program staff at the National Police General Command Headquarters Saigon with Colonel Ng. v. Giàu, General Nguyễn Khắc Bình, Commander

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 13 June 1975 To 14 September 1987
Years: 12 Months: 3 Days: 1

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: August 28th 1989

Signature

TÔN THẬT NHIỀU

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : 1 - TÔN - THẬT - NHIỀU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
2 - LÊ - THỊ - KIỀU	10 June 1931	Wife
3 - TÔN - THẬT - LUYỄN	09 Jul 1958	Son
4 - TÔN - THẬT - TẬP	20 NOV 1954	Son
5 - TÔN - NỮ - HUYỀN - NGÀ	08 OCT 1955	Daughter
6 - TÔN - NỮ - HUYỀN - PHƯƠNG	08 NOV 1956	Daughter
7 - TÔN - NỮ - HUYỀN - TRANG	30 JAN 1963	Daughter
8 - LÊ - NGUYỄN - HẠNH	20 APR 1955	NGA's husband, son in law
9 - LÊ - QUÊ - HUÔNG	14 Dec 1983	NGA's daughter, niece
10 - VŨ - THỊ - QUỲNH - CHÂU	28 Sept 1954	TẬP's wife, daughter in law
11 - TÔN - NỮ - THANH - TÂM	09 JAN 1985	TẬP's daughter, niece
12 - TÔN - NỮ - THỦY - TIỀN	07 JUNE 1981	THIỆU's daughter, niece
13 - TÔN - THẬT - THIỀU	23 Apr 1952	Son
14 - HÀ - THỊ - CẨM - TÚ	16 - 02 - 1952	THIỆU's wife, daughter in law

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

no

ADDITIONAL INFORMATION : - LÊ THỊ KIỀU was US employee :

- From 1965-1967 American Organisation.
- From 1967-1971 Accountant employee at Pacific Architects and Engineers in Banmethuot.
- TÔN - THẬT - THIỀU was VN Army Dentist officer student before 1975. (SQ: 72/148563) ^{Army Number}
- TÔN - THẬT - NHIỀU member of the Vietnamese American Association in Saigon before 1975, Member of the International Association of Chiefs of Police in Washington DC from 1961 and the years later. Cooperated and associated with many American Advisors, associated with the US backed Saigon Regime, with links to the US.
- From the 1969-1971, being Commander of Phu Bôn Province National Police Headquarters cooperated and associated with four American Advisors (Special Branch, Phoenix Program, Uniform Police, Field force Police).
- being working continually for Phoenix Program from 1969 to the last day 30 April 1975 (in Phu Bôn Province and in Saigon General Headquarters). Training in the United States approximately 9 months sponsored by the International Cooperation Administration, United States Operation Mission to Vietnam Immigration and Naturalization Service USA. Certificate # 101E 430-71-125-1-00338 Date: 12-19-60 signed by Mr. William A. PARKER, Training Officer. /-



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 500469

VEWL#: 29157

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TÔN THẬT NHIỀU
Last Middle First

Current Address: 20/B55 ĐƯỜNG 3 HẰNG 2 P.12 Q.10 TP HOCHIMINH

Date of Birth: 6th September 1929 Place of Birth: Văn xã Thừa Thiên

Previous Occupation (before 1975): Police Lieutenant Colonel - Inspector of the
(Rank & Position) Phoenix Program staff at the National Police General Command
Headquarters Saigon with Colonel Ng. V. Giàu, General Nguyễn Khắc Bình, Command

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 13 June 1975 To 14 September 1987
Years: 12 Months: 3 Days: 1

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: August 28th 1989

Signature

TÔN THẬT NHIỀU

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : 1 - TÔN - THẬT - NHIÊN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
2 - LÊ - THỊ - KIỀU	10 June 1931	Wife
3 - TÔN - THẬT - LUYỄN	09 Jul 1958	Son
4 - TÔN - THẬT - TẬP	20 Nov 1954	Son
5 - TÔN - NỮ - HUYỀN - NGÀ	08 OCT 1955	Daughter
6 - TÔN - NỮ - HUYỀN - PHƯƠNG	08 NOV 1956	Daughter
7 - TÔN - NỮ - HUYỀN - TRANG	30 JAN 1963	Daughter
8 - LÊ NGUYỄN HẠNH	20 APR 1955	NGÀ's husband, son in law
9 - LÊ - QUÊ - HƯỜNG	14 Dec 1983	NGÀ's daughter, niece
10 - VŨ - THỊ - QUỲNH - CHÂU	28 Sept 1954	TẬP's wife, daughter in law
11 - TÔN - NỮ - THANH - TÂM	09 JAN 1985	TẬP's daughter, niece
12 - TÔN - NỮ - THUY - TIÊN	07 June 1981	THIỆU's daughter, niece
13 - TÔN - THẬT - THIỂU	23 APR 1952	SON
14 - HÀ - THỊ - CẨM - TÚ	16 - FEB - 1952	THIỆU's wife, daughter in law

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

no

ADDITIONAL INFORMATION : 1 - LÊ THỊ KIỀU was US employee: From 1965-1967 American Organisation - From 1967-1971 Accountant employee at Pacific Architects and Engineers in Banmethuot.
TÔN - THẬT - THIỂU was VN Army Dentist officer Student before 1975. (SQ: 72/148563) ^{Army Number}
TÔN THẬT NHIÊN: member of the Vietnamese-American Association in Saigon before 1975. member of the International Association of Chiefs of Police in Washington DC from 1961 and the years later.
 - Cooperated and associated with many American Advisors, associated with the US-backed Saigon Regime, with links to the US.
 - From 1969-1971, being Commander of Phú Bôn Province National Police Headquarters cooperated and associated with four American Advisors (Special Branch, Phoenix Program, Uniform Police, Field Force Police).
 - been working continually for Phoenix Program from 1969 to the last day 30 April 1975 (in Phú Bôn Province and in Saigon General Headquarters). Training in the United States approximately 9 months sponsored by the International Cooperation Administration, United States Operation Mission to Vietnam Immigration and Naturalization Service USA. Certificate PIO/P 430-71-120-1-00338 Date: 12-19-60 signed by Mr. William A. PARKER Training Officer. /-

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : TÊN THẬT NHIEU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 9 6 1929
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 20/B55 Đường 3 Tháng 2 P.12 Q.10 TP HO CHI MINH
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): 13 June 1975 To (Den): 14 Sept 1987

PLACE OF RE-EDUCATION: Long Thành, Thủ Đức (South VN) Nam Hà (North VN)
CAMP (Trai tu) Z 30 C, Z 30 D (South VN) Xuân Phước Phú Khánh P. (Center VN) Camps.

PROFESSION (Nghe nghiep) Police Lieutenant Colonel Backed Regime Saigon before 1975.

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): "Police Administration" from 19 Dec 1960 to Sept 1961

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Police Lieutenant-Colonel

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): 30 April 1975

Inspector of the Phoenix Program staff at the National Police Date (nam):

General Command Headquarters Saigon.

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☐

IV Number (So ho so): 500,469

No (Khong): ☐ VEWL: 29157

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 14 including P.A.
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 20/B55 Đường 3 Tháng 2 P.12 Q.10
Thành phố Hồ Chí Minh.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

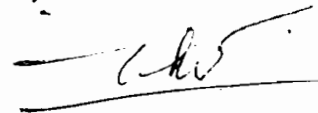
NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: August 28 th 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Signature



TÊN - THẬT - NHIEU

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): 1 - TÔN - THẮT - NHIỀU

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING	RELATIVES	DATE of BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
2 - LÊ - THỊ - KIỀU		10 JUNE 1931	Wife
3 - TÔN - THẮT - LUYỆN		09 JUL 1958	Son
4 - TÔN - THẮT - TẬP		20 NOV 1954	Son
5 - TÔN - NỮ - HUYỀN - NGÀ		08 OCT 1955	Daughter
6 - TÔN - NỮ - HUYỀN - PHƯƠNG		08 NOV 1956	Daughter
7 - TÔN - NỮ - HUYỀN - TRANG		30 JAN 1963	Daughter
8 - LÊ NGUYỄN - HẠNH		20 APR 1955	NGÀ's husband, son in law
9 - LÊ - QUÊ - HƯỜNG		14 DEC 1983	NGÀ's daughter, niece
10 - VŨ - THỊ - QUỲNH - CHÂN		28 SEPT 1954	TẬP's wife, daughter in law
11 - TÔN - NỮ - THANH - TÂM		09 JAN 1985	TẬP's daughter, niece
12 - TÔN - NỮ - THỦY - TIẾN		07 June 1981	THIỆU's daughter niece
13 - TÔN - THẮT - THIẾU		23 APR 1952	Son
14 - HÀ - THỊ - CẨM - TÚ		16 FEB 1952	THIỆU's wife, daughter in law

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 8 năm 1989
Kính gửi Bà KHUẾ MINH THU

Hội Trưởng

Hội Gia đình Tù nhân Chính Trị Việt Nam

P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205-0635

Tel: [REDACTED]

USA

Falls Church, Virginia 22043 USA

Kính thưa Bà Hội Trưởng và Quý Bà trong Hội,

Tôi tên TÔN THẤT NHIÊN, sinh ngày 6 tháng 9 năm 1929, hiện ở tại nhà số 20/B 55 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP Hồ Chí Minh, trân trọng gửi đến Quý Hội các bản Political Prisoner Registration form và Intake form (mẫu đơn về lý lịch) mỗi thứ 2 bản.

Tôi là Trung-Tá Cảnh Sát chế độ Saigon trước 1975, cựu tù nhân chính trị trên 12 năm, vợ tôi là nhân viên sở Mỹ trước 1975, con tôi là cựu sinh viên Sĩ Quan Nha Sĩ Quân y Quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Saigon trước 1975.

Kính mong Bà Hội Trưởng và Quý Bà giúp đỡ và can thiệp cho tôi và gia đình thân nhân được sớm định cư tại Hoa Kỳ càng sớm càng quý, gia đình chúng tôi xin hết lòng đa tạ và xin hết lòng thành kính cảm ơn. Kính mong Bà Hội Trưởng vui lòng hỏi thăm cho chúng tôi được biết kết quả để vui mừng.

Kính đôn,

Ký tên

Xin đính kèm:

Giấy ra trại cấp ngày 14-09-1987

Tôn Thất Nhiên

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : TÔN THẤT NHIỀU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 9 6 1929
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 20/B55 Đường 3 tháng 2 P.12 Q.10 TP HO CHI MINH
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): 13 June 1975 To (Den): 14 September 1987

PLACE OF RE-EDUCATION: Long Thành, Thủ Đức (South VN) Nam Hà (North VN)
CAMP (Trai tu) Z 30 C, Z 30 D (South VN) Xuân Phước, Phú Khánh Province (center VN) Campa

PROFESSION (Nghe nghiep Police Lieutenant Colonel Back Regime Saigon before 1975

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): "Police Administration" from 19 Dec 1960 to Sept 1961

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Police Lieutenant-Colonel

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): 30 April 1975
Inspector of the Phoenix Program staff at the National Police General Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒
IV Number (So ho so): 500,469
No (Khong): ☐ VEW: 29157

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 14 including P.A
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 20/B55 Đường 3 tháng 2 P.12 Q.10
Thành Phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: August 28th 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Signature



TÔN THẤT NHIỀU

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : 1 - TÔN - THẤT - NHIỄU

NAME OF DEPENDENT / ACCOMPANYING RELATIVES		DATE of BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
2 -	LÊ - THỊ - KIỀU	10 June 1931	wife
3 -	TÔN - THẤT - LUYỆN	09 Jul 1958	Son
4 -	TÔN - THẤT - TẬP	20 Nov 1954	Son
5 -	TÔN - NỮ - HUYỀN - NGA	08 OCT 1955	Daughter
6 -	TÔN - NỮ - HUYỀN - PHƯƠNG	08 NOV 1956	Daughter
7 -	TÔN - NỮ - HUYỀN - TRANG	30 JAN 1963	Daughter
8 -	LÊ - NGUYỄN - HẠNH	20 APR 1955	NGA's husband, son in law
9 -	LÊ - QUẾ - HƯỜNG	14 Dec 1983	NGA's daughter, niece
10 -	VŨ - THỊ - QUỲNH - CHÂU	28 SEPT 1954	TẬP's wife, daughter in law
11 -	TÔN - NỮ - THANH - TÂM	09 JAN 1985	TẬP's daughter, niece
12 -	TÔN - NỮ - THUY - TIẾN	07 JUNE 1981	THIỆU's daughter, niece
13 -	TÔN - THẤT - THIỂU	23 APR 1952	Son
14 -	HÀ - THỊ - CẨM - TÚ	16 FEB 1952	THIỆU's wife, daughter in law

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân phước
Số 50 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 296 ngày 27 tháng 11 năm 1972

410
25/4/87

0	0	3	7	8	6	0	0	2	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SUSLO

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/QĐ ngày 10 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TÔN THẤT NHƯ S Sinh năm 19 29

Các tên gọi khác

Nơi sinh Thanh hóa

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị tù

20/55B, Đường 3/2, P21, Q10, TP: Hồ Chí Minh

Cán tội Trung tá cảnh sát ngự

Bị bắt ngày 13/06/1975 Án phạt 03 năm TTCT

Theo quyết định, án văn số 55 ngày 17 tháng 09 năm 76 của

Bộ nội vụ

Đã bị täng án 03 lần, cộng thành 09

Đã được giảm 2 lần, cộng thành 07 tháng

Nay về cư trú tại 20/55B, Đường 3/2, P21, Q10, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Xác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, không phạm cải tạo nữa.

- Về mặt chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho được sự hòa nhập xã hội, dần trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Phường 21

Trước ngày 30 tháng 09 năm 19 87

Lần lấy ngón trỏ phải
Của Tôn Thất Như

Đánh dấu số 1720

Lập tại NV 15

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Tôn Thất Như

Ngày 14 tháng 9 năm 19 87

Giám thị



Tôn Thất Như

NGUYỄN VĂN HANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 5140/90 DC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TÔN NỮ HUYỀN NGA
Nom et prénoms

Nom et prénom

Ngày sinh 1955
Date de naissance

Date de naissance

Nơi sinh.....*Quảng Trị*.....
Lieu de naissance

Lieu de naissance

Chỗ ở.....
Domicile.....

Domicile

Quốc tịch..... *Việt Nam*
Nationalité.....

Nationalité

Nghề nghiệp.....
Profession.....

Profession

Nhận dạng Chiều cao
 Signalement Taille

Signalement

Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire

Photographie du titulaire

Chūr ky
Signature

Signature

Inhuman

- Tôn nữ Huyền Nga
- 3 -

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 12.02.1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 1990

Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

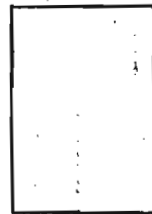


Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



B) CHỦ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 5340 XC

Cấp cho Chị Tôn Nữ Huyền Nga

Cùng với 1 trẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 12 - 8 - 1990

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Tổng phòng



Nguyễn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 5244/90 DC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TÔN NỮ HUYỀN TRANG
Nom et prénom

Ngày sinh 1963
Date de naissance

Nơi sinh Đắk Lắk
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Viet Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hồ sơ
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Trang

Tôn. nữ Huyền. Trang.

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 12.02.1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 1990

Fait à le

CỤC QUẢN LÝ VÀO RA VÀ NHẬP CẢNH

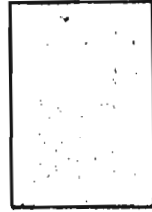
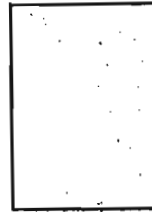


Nguyễn Thiệp

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS. 5244 XC

Cấp cho Chị Tôn Nữ Huyền Trang

Công với / trẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 12-8-1990

Hồ Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 12-02-1995
IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 1990
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

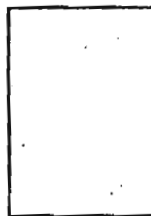


Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS. 5234 XC
Cấp cho ông Tôn Thất Thiên
Cùng với / trẻ em.
Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ
Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất
Trên ngày 12-8-1990
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
Nº 5234/30 OC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TÔN THẤT NHIÊN
Nom et prénom

Ngày sinh 1929
Date de naissance

Nơi sinh Thừa Thiên - Huế
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Tôn Thất Nhiên

TÔN THẤT NHIÊN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o
6335/90ĐC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TÔN THẤT LUYỄN
Nom et prénoms

Ngày sinh 1958
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Trị
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Tôn Lýễn

TÔN THẤT LUYỄN

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 12.02.1995.....
IL expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 1990.....
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

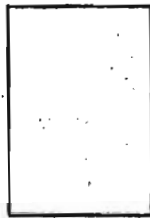
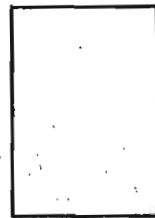
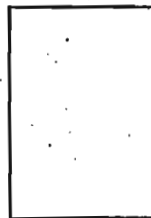


Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 6335 XC

Cấp cho Anh Tôn Thất Luyện

Cùng với / trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 12.8.1990

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

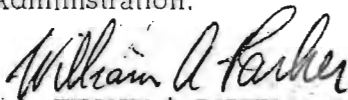


Nguyễn Phương

UNITED STATES OPERATION MISSION TO VIETNAM
IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE
United States of America

This is to certify that Mr. Ton That Nhieu
a citizen of Vietnam, who is travelling to and in the
United States for approximately 9 months, is a
participant in a technical assistance project sponsored
by the International Cooperation Administration.

PIO/P 430-71-120-1-00338



WILLIAM A. PARKER
Training Officer

Date : 12-19-60

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số

Họ tên TÔN THẤT NHIỀU

Sinh ngày
Nguyên quán

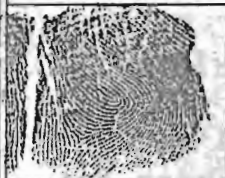
Thanh Hóa

Nơi thường trú 20/B55 ĐG-3

FLA. Q10. TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**



NGÓN TRỎ TRÁI

✓ DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruột C, 1cm dưới
trước đầu mắt trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 8 tháng 7 năm 1988

TH/ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chanh

Võ Đại Chanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020754277**

Họ tên **TÔM NHƯ HUYNH PHUONG**

Sinh ngày **08-11-1956**

Nguyên quán **Bình Trị Thiên.**

Nơi thường trú **20/B55, 3 Tháng 2**

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Hinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGON TỬ TRAI

Bao bầu dục d, 0, 1cm
r, 0, 1cm, c, 1, 1cm tròn
đôi này trái.

NGON TRỞ PHAI

Ngày tháng 0 năm 1979
T. L. L. CHAM D. C. H. C. T. R. U. O. N. G. T. Y. C. O. N. G. A. N.
P. H. O. T. R. U. O. N. G. C. O. N. G. A. N. Q. U. A. N. 10



Đinh Văn Ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022.71.76

Họ tên TÔN THẠY LUYỆN

Sinh ngày 9-7-1958

Nguyên quán Bình Trị Thiên

Nơi thường trú 20/B55 Dg3/2

F12, Q10, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: <u>Việt</u>	Tôn giáo: <u>Phật</u>	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT HIỆN HOẶC DI HÌNH Số 00. chạm s. 2cm trên sau mốp phai
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày: <u>0</u> tháng <u>7</u> năm <u>1988</u> K. T.  <u>Trưởng Ty Công An</u> <u>Chánh</u> <u>Viết Chánh</u>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020754291**

Họ tên **TÔN NỮ HUYỀN NGA**

sinh ngày **08-10-1955**

Nguyên quán **Hình Trạ Thiên,**

Nơi thường trú **20/B55 Đường
3 Tháng 2, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

NGON TRÓ TRAI

NGON TRÓ PHẢI

ĐẤU VPT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 0,7cm
dưới trước đầu máy
phải.

Ngày 22 tháng 02 năm 1979

T.Ư.Ư. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PH.QU. TRƯỞNG AN QUÂN 10



Đinh Văn Kỳ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **C20756411**

Họ tên **TÔN THẤT TẬP**



Sinh ngày **20-11-1954**

Nguyên quán **Bình Trị Thiên**

Nơi thường trú **20/B55.3Tháng 2**
Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sọc chấm cách 2cm
dưới sau đuôi mắt
phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 22 tháng 02 năm 1979

T. ỦY BAN QUẢN LÝ CÔNG AN
PH. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Đinh Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 020707416

Họ tên LÊ THỊ KIỀU

Sinh ngày 10-6-1931

Nguyên quán Vạn Xuân,

Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú 250 Nhật Páo,

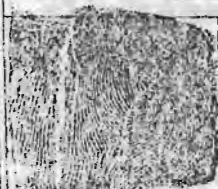
TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

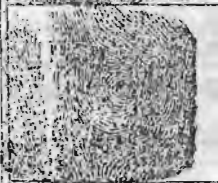
không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 4cm
dưới sụn đuôi mắt
phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 2 năm 1979

T. T. T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Trệt Thàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020754410**

Họ tên **TÔN NỮ HUYỀN TRANG**



Sinh ngày **30-1-1963**

Nguyên quán **Bình Trị Thiên**

Nơi thường trú **20/B55, 3 Tháng 2,
Q.10, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

HÀNG VỚI KIỂU NÚT HOẶC DỊ HÌNH

Sọc chấm cách 4cm
tròn sau mép trái.

Ngày 22 tháng 02 năm 1979

T. LƯU GIẤM ĐỒ HỒSƠ TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10

NGON TRO TRIAI

NGON TRO PHAI



Đinh Văn Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02075277

Họ tên TÔM NỮ HUỖN PHƯƠNG

Sinh ngày 03-11-1956

Nguyên quán Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú 20/B55.3Tháng 2

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Tinh

Tôn giáo:

Phật

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGON TAY TRÁI

Bao bầu dục d, 0, 1 cm
0, 1 cm, c, 1, 1 cm trên
mặt tay trái.

NGON TAY PHẢI

Ngày... tháng... năm 1977
T. U. Y. QUẢN ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Đinh Văn Ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022.117.146

Họ tên TÔN KHAI LUYỆN

Sinh ngày 9-7-1958

Nguyên quán Bình Trị Thiên

Nơi thường trú 20/B55 Dg3/2
T12, Q10, TP. Hồ Chí Minh

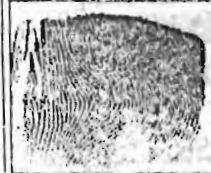


Họ tên

1.1.11

Tôn giáo

Phật



CHỖ TRỎ TRÁI

ĐÁU VẾT HUYỀN HOẶC DI HÌNH

Số 0. chạm c. 2 cm trên
sau mốp phải



CHỖ TRỎ PHẢI

Ngày 8 tháng 7 năm 1958



TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Thư

Đỗ Việt Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020754291

Họ tên TÔN NỮ HUYỀN NGA

sinh ngày 08-10-1955

Nguyên quán Bình Trại Thiên,

Nơi thường trú 20/155 Đường
Thắng 2, TP. Hồ Chí Minh,

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

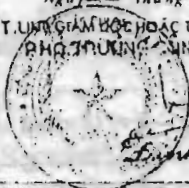
NGON TRỎ TRAI

Sọc chấm cách 0,7cm
dưới trước đầu máy
phai.

Ngày 22 tháng 02 năm 1979

NGON TRỎ PHẢI

T.Ư.Ư. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PH.Ư. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Trần Văn Kỳ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **C 20756411**

Họ tên **TÔN THẤT TẬP**



Sinh ngày **20-11-1954**

Nguyên quán **Bình Trị Thiên**

Nơi thường trú **20/B55.3Tháng 2**

Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm cách 2cm
dưới sau đuôi mắt
phải.

Ngày 22 tháng 02 năm 1979

T. UYÊN GIAM ĐỐC ĐẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PH. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Lưu Văn Ký

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020754410

Họ tên TÔN NỮ HUYỀN TRANG



Sinh ngày 30-1-1963

Nguyên quán Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú 20/B55, Tháng 2,
Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

K1111

l'ông giáo :

Không

ΠΛΗΤΥΣΜΟΣ ΤΗΣ ΝΟΤΙΑΣ ΕΥΡΩΠΗΣ

Sọc chấm cách 4cm
trên sau mép trái.

Ngày 22 tháng 02 năm 1979

T.Ư. ~~PHÒNG~~ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
/ ~~PHÒNG~~ TRƯỞNG Đ. CÔNG AN QUÂN 10

NGON TỎ TỎ TRAI!

NGON TRÓ PHAI

Dinh Văn Kỳ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020707416

Họ tên: LÊ THỊ KIỀU

Sinh ngày: 10-6-1931

Nguyên quán: Vạn Xuân,
Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú: 250 Nhật Tảo,
TP. Hồ Chí Minh.

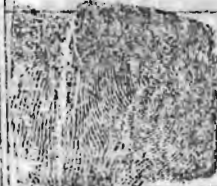


Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 4cm
dưới sau đuôi mắt
phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 2 năm 1979

T. L. H. G. A. M. O. C. HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG AN QUÂN 10



Đặt Thẳng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~123456789~~

Họ tên **TÔN THẤT NHIỀU**

Sinh ngày

Nguyên quán **Thạnh Hòa**

Nơi thường trú **20/B55 Đg 3/2**

Fl 2. Q10. TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruột C, 1cm dưới
trước đầu mắt trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 8 tháng 7 năm 1988

THAM ĐỐC CÔNG TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Chanh
Võ Đại Chanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET-NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số

Nº

5236/300C1

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages.

Họ tên LÊ THỊ KIỀU
Nom et prénoms

Ngày sinh 1931
Date de naissance

Nơi sinh Thừa Thiên Huế
Lieu de naissance

Chở ở Tp. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalément Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Thieu

Lê Thị Kiều

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 12-02-1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 1990

Fait à

le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

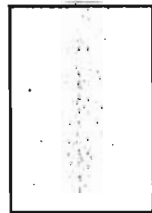
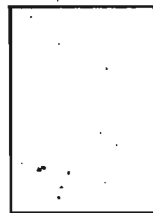
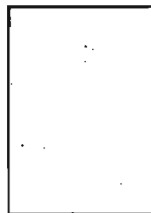


- Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHÚ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 5236 XC

Cấp cho Bà Lê Thị Kiều

Cùng với / trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 12.8.1990

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o **5238/90-ĐC₁**

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TÔN THẤT TẬP

Nom et prénom

Ngày sinh 1954

Date de naissance

Nơi sinh Quảng Trị

Lieu de naissance

Chỗ ở Tp Hồ Chí Minh

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng Chiều cao

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Tôn Thất Tập

TÔN THẤT TẬP

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 12.02.1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 1990

Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

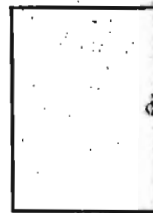
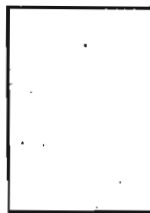


Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

5238 XG

Cấp cho Anh Tôn Thất Tập

Cộng với 1 trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HÓA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 12-1-1990

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 542/90 DC1

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên **TÔN NỮ HUYỀN PHƯƠNG**

Nom et prénom

Ngày sinh **1956**

Date de naissance

Nơi sinh **Quảng Trị**

Lieu de naissance

Chở ở **Tp. Hồ Chí Minh**

Domicile

Quốc tịch **Việt Nam**

Nationalité

Nghề nghiệp **/**

Profession

Nhận dạng **Chiều cao**

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hồ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Phuong

Tôn Nữ Huyền Phương

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày.....12. 02. 1995.....

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 1990.....

Đã ở
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

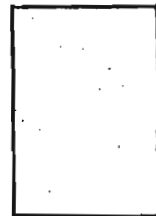
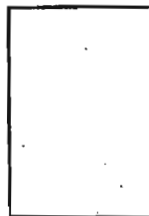


Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHI
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



DI CHÚC - NOTES

THỊ THỰC = VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 5242 XC

Cấp cho Chị Tôn Nữ Huyền Phương

Công với 1 trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quang cảnh, thời Tôn Sơn Nhất

Trước ngày 12 - 8 - 1990

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

FROM: THONG T. TON

[REDACTED]
- MEMPHIS
TN. 38104.

Tralst
5/2/90

FIRST CLASS



FIRST CLASS

MAR 2 1/4 1990

FIRST CLASS

To: Mme KHUC MINH THO
VIETNAMESE FAMILIES OF POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION

[REDACTED]

FALL CHURCH

VIRGINIA 22043

Memphis April 1, 1990.

Cô kính,

Cháu xin cảm ơn cô và quý hội đã bỏ nhiều công sức và thời giờ để lo lắng cho gia đình tu nhân chính trị và cho gia đình cháu nói riêng.

Ngày 21 tháng 3 cháu có gói qua địa chỉ
Fall Church một phong bì gồm có các bản photo x ảnh của gia đình, các giấy tờ hồ tịch của gia đình theo đúng như lời dặn của quý hội thông báo cho cháu biết. Đồng thời cháu cũng có gói qua Bangkok.

Lần này, chính sách Mỹ thay đổi (theo như bài báo cháu xin đính kèm theo) thì gia đình cháu có 2 người là Tôn Thất Tập và Tôn nữ Huyền Nga (có tên trong LOI) đã có gia đình và cũng có x ảnh, nay thì làm cách nào các anh chị cháu nói trên làm thủ tục xin cho vợ và chồng của họ được đi (cũng có tên trong hồ khẩu chung địa chỉ)

Nay cháu xin gói đến cô và quý hội xin nhờ sự giúp đỡ của cô và quý hội làm thủ tục đổi với phía Mỹ cho anh chị cháu và nếu có gì xin thông báo cho cháu biết để phía Mỹ trả lời cháu phải làm gì thì cháu đáp ứng theo.

Chị của cháu, Tôn nữ Huyền Nga, đã sanh thêm 1 cháu bé, LÊ THANH KHIỆT, sanh Oct 03, 1989 mà không có tên trong danh sách.

Cháu xin chân thành cảm ơn cô và quý hội

đã giúp đỡ tận tình, tranh đấu cho gia đình
từ nhân và gia đình cháu nói riêng.

Cháu xin chúc cô và quý hội luôn được
mạnh khỏe và may mắn

Cháu,

Tonkhalhony

TÔN THẤT THÔNG

Memphis TN. 38104



DIOCESE OF

MEMPHIS

ODP #

(If known)

DATE FILED

OCT 3, 1989

SECTION I:

I am

Sint

NAI

(und

fam

in Vietnam to come to the United

ADDRESS IN
VIETNAM ..

Chắc chi Bui đã đọc
mấy bài báo ở VN
đúng kìa

SEC

Yot

(one

Dnt

Pla

(Inc

Cui

17

Am viết thư liên lạc
với họ bằng dịch thoại

(applicable)

ration Status

resident

ie Explain)

Phone

(work)

Country of first asylum

THAILAND

Date you arrived in the U.S.

September 11, 1989

Social Security Number

Your Original Case Number

T # 587538

Agency through which you came to the United States

United States Catholic Conference

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this
affidavit Yes ☒ No If yes, date submitted:
and date approved:

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT
RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS,
YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S.
employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or
Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as
a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian
American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT

DATE/

PLACE OF BIRTH

RELATION (if any)

ADDRESS

IN VIETNAM

NHIEU, THAT TON

Sept. 6, 1929
Hue province
Vietnam.

FATHER

{ 20/B55 đường 3
thang 2 - Phường 12
Quan 10 - HO CHI MINH
city - Vietnam

KIEU, THI LE

June 10, 1931
Hue province,
Vietnam.

MOTHER

(Revised 10/86)



DIOCESE OF

MEMPHIS

ODP #

(If known)

DATE FILED

OCT 3, 1989

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/K/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
--	-----	-----------------------------------	--------------------	-----------------------

SECTION II:

Your name THONG, THAT TON

(and A/K/A)

Date of birth FEB 14, 1960 Sex MALE

Place of birth

(Include Country) HUE, VIETNAM

Current address

MEMPHIS

Phone Number (home)

TN 38104

(work)

Country of first asylum THAILANDDate you arrived in the U.S. September 11, 1989

Social Security Number

Agency through which you came to the United States

Allen Number (if applicable)

Your U.S. Immigration Status

(Check one):

☐ U.S. Citizen☐ Permanent Resident☒ Refugee☐ Asylee☐ Other (Please Explain):

Your Original Case Number

T # 587538United States Catholic Conference

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit Yes ☒ No If yes, date submitted: _____ and date approved: _____

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975, political prisoners, or Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S., political prisoner, Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
NHIEU, THAT TON	Sept. 6, 1929 Hue province Vietnam.	FATHER	{ 20/B55 đường 3 tháng 2 - Phường 12 Quan 10 - Ho Chi Minh city - Vietnam
KIEU, THI LE	June 10, 1931 Hue province, Vietnam.	MOTHER	

(Revised 10/86)

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)**U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:**

U.S. Government Agency: US Advisor office Last Title/Grade: file and typing clerk
 Name/Position of Supervisor: Thomas Burke, Frank Monachino, Director

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: The Pacific Architects & Engineers Inc.
 Last Title/Grade: Payroll accountant Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: National Police Last Title/Grade: Lieutenant-Colonel
 Name/Position of Supervisor: TRAN VAN GIAU, Brigadier General;

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? (Yes) No _____ Date: From June 1975 to September 1987

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: LONG BEACH STATE COLLEGE, CALIFORNIA Location: CALIFORNIA
 Type of Degree or Certificate: POLICE, ADMINISTRATION
 Date Employment or Training: from (month/year) Dec 1960 to (month/year) November 61.

ASIAN AMERICANS

Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
 Full Name of the Mother: _____ Address: _____
 Full Name of the U.S. Citizen Father: _____
 His current address: _____

SECTION IV:

NAMES OF DEPENDENT/ ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

My father, Mr. Nhieu, That Ton was an employee of Vietnamese Government; was in the USA, studied at Long Beach State College and was in the education-camp from June 1975 to September 1987.

My mother, Mrs. Kieu, thi Le was an employee of the U.S. Government and an employee of the US Pacific Architects & Engineers Inc. as well.

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

[Signature]
 Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this 3RD day
 of OCTOBER, 1989

[Signature]
 Signature of Notary Public

My commission expires: My Commission Expires November 10, 1992

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly

Signature

Section 1:

NAME AND A/K/A. (underline family name).	SEX	DATE OF BIRTH	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VN
1) TON THAT NHIEU	M	Sept. 06, 1929	FATHER.	20/B55 đường
2) LE THI KIEU	F	June 10, 1931	MOTHER.	3 tháng 2, P.12
3) TON NU HUYEN PHUONG	F	Nov. 08, 1956	SISTER	Quan 10, HOCHI MINH CITY.
4) TON THAT LUYEN	M	July 09, 1958	BROTHER.	~
5) TON NU HUYEN TRANG	F	Jan 30, 1963	SISTER	~

The above people are my parents and single brother and sisters. The following people are my married brothers, sisters and brother-in-law and sisters-in-law with their single children.

6) TON THAT THIEU		April 23, 1952	BROTHER	20/B55 đường
7) HA THI CAM TU		1952	SISTER-IN-LAW	3 tháng 2, P.12
8) TON NU THUY TIEN		1981	NIECE	Quan 10, HOCHI MINH CITY, VIETNAM
9) TON THAT TAP		Nov. 20, 1954	BROTHER	~
10) VU THI QUYNH CHAU		1954	SISTER-IN-LAW	~
11) TON NU THANH TAM		1984	NIECE	~
12) TON NU HUYEN NGA		Oct. 08, 1955	SISTER	~
13) LE NGUYEN HANH		1955	BROTHER-IN-LAW	~
LE QUE HUONG		1983	NIECE	~

JUN 6, 1985

TO WHOM IT MAY CONCERN:

TON THAT NHIEU	BORN	6 SEP 29	(IV 500469)
LE THI KIEU	BORN	10 JUN 31	"
TON THAT LUyen	BORN	9 JUL 58	"
TON THAT TAP	BORN	20 NOV 54	"
TON NU HUYNH HOA	BORN	8 OCT 55	"
TON NU HUYNH PHUONG	BORN	8 NOV 56	"
TON THAT THONG	BORN	14 FEB 60	"
TON NU HUYNH TRANG	BORN	30 JAN 63	"

ADDRESS IN VIETNAM: 20/B55 PHUONG 3 THANG 2,

P.21

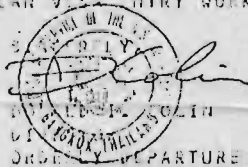
Q.10

1. PHUONG THI MINH

VIEW#: 29157

SU QUAN HOA KY CHO PHAP NHUNG NGUOI CO TEN TRÊN BAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE HOP DOI TAI SU QUAN HY DE BANG HOA KY, VOI DICH KINH HO DUOC KHAN SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO LY LICH HIEP QUOC DAC TRACH TY NAM (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAO GIOI THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY ADAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THUI DE ROI VIET NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVE PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TRÊN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISIT ENTRY WORKING LIST.



DEPARTMENT OF STATE
OFFICE OF THE DEPUTY ASSISTANT SECRETARY FOR
OVERSEAS AFFAIRS

OSP-1
10/31

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban

Trại Juân phước

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hành theo công văn số

Số 50 CRT

2563 ngày 27 tháng 11

năm 1972

0 0 3 7 8 6 0 0 2 7 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 66-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/QĐ ngày 10 tháng 08 năm 1987

CỦA BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

TÔN THẮT NHIỆU

Sinh năm 19 29

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Thành hóa

Nơi đang ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

20/55B, Đường 3/2, P21, Q10, TP: Hồ Chí Minh

Can tội

Trung tá cảnh sát ngục

Bị bắt ngày

13/06/1975

Án phạt

03 năm TGT

Theo quyết định, án văn số

55

ngày 17

tháng 09

năm 76

của

Bộ nội vụ

Đã bị tăng án

03

lần, cộng thành

09

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

20/55B, Đường 3/2, P21, Q10, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Xác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có tổ chức, đảm bảo kỷ cương, học tập và chấp hành nội quy được tốt, siêng năng, tập tành cải tạo lành.

Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho được sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường xã:

Phường 21

Trước ngày 30 tháng 09 năm 19 87

Lão tay nắm trẻ phải

Của

Tôn Thất NHIỆU

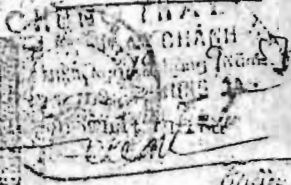
Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 14 tháng 9 năm 19 87

Danh bìn số 1780

Lập tại NV 15



NGƯỜI XÁC ĐỊNH

Sở hữu

(ACTE DE MARIAGE)

Tên họ người chồng.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Nom et prénom du mari.	
Người chồng làm nghề nghiệp ở đâu (hàng, huyện, tỉnh nào.)	<i>Trần Thất Thìn</i>
Sa profession et son domicile.	
Người chồng sinh ngày, tháng, năm nào sinh ở đâu và chính quán ở đâu.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Date et lieu de naissance.	
Tên họ ông thân người chồng.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Nom et prénom du père du mari.	
Ông thân người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề-nghiệp, sanh quán và chính quán.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Son âge, sa profession son origine et son domicile.	
Tên họ bà mẹ người chồng.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Nom et prénom de la mère du mari.	
Bà mẹ người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi nghề-nghiệp, sanh quán và chính quán.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Son âge, sa profession son origine et son domicile.	
Tên họ người vợ.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Nom et prénom de l'épouse.	
Người vợ làm nghề gì và ở đâu (hàng, huyện, tỉnh nào.)	<i>Trần Thất Thìn</i>
Sa profession et son domicile.	
Người vợ sinh ngày, tháng, năm nào, sanh ở đâu và chính quán ở đâu.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Date et lieu de naissance.	
Tên họ ông thân người vợ.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Nom et prénom du père de l'épouse.	
Ông thân người vợ mấy tuổi, sống hay chết rồi nghề nghiệp, sanh quán và chính quán.	<i>Trần Thất Thìn</i>
Son âge, sa profession son origine et son domicile.	

Đã chưa đủ mà lại
biến an là sự gây
hại này lại tạo ra
hiệu quả cực cao khác

Nom et prénom de la mère de l'épouse.

Son âge, sa profession, son origine et son domicile.

Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở, sanh quán và chánh quán người làm chứng thứ nhất, (nếu cha mẹ đôi bên đều có đăng vào giấy khai này thì không cần người chứng).

Nom et prénom, âge, profession, domicile et
origine du 1^{er} témoin.

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, chỗ ở, sanh quán
và chánh quán của người làm chứng thứ nhì

Nom et prénom, âge, profession domicile et
origine du 2^e témoin.

Cưới ngày, tháng, năm nào.

Date du mariage.

Cười làm vợ chánh, vợ kể hay vợ thờ

Femme légitime ou concubine.

Giấy này làm tại

Ngày y

kháng

Ông thân:

Người chồng (I)

Ông thân:

người vợ (1)

Bà me

người chông (l)

Bà mẹ

người vợ (1)

NGÂN THỨC

ty-bô lăng

Người chồng (I) / người vợ (I) Người làm chứng thứ nhất (I) Người làm chứng thứ nhì (I)

Chứng nhân làng Vạn-xuân
chứa ở Ban lý-hướng và nhân
thất lời khai trên ./.

Phụng trích lục Tri-bộ làng

Норматив, № 13-5-1960

NUY-2103 CPG

leng. Khoảng trong lễ công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này.
Hết ngày 24 tháng 11 năm 1973
K. T. Tỉnh trưởng Thủ Thiện Nhân

PHÂN BIỆT: Chỗ trắng không đúng, phải kéo một nét mực.

(1) Cho này Tri-bộ phải biên lên, họ của ngư
phải lấy chữ ký này.

sở chức không



Tên, họ đứa con cái	LÊ-THỊ-KIỆU
Nam, nữ ?	Con gái
Sanh tại chỗ nào ?	Tại làng Vạn-Xuân
Sanh ngày nào ?	Ngày mồng mười tháng sáu năm một ngàn chín trăm ba mươi mốt (10-6-1931)
Tên, họ cha (như con sanh không lễ cưới thời phải kê tên họ mẹ mà thôi, nhưng khi nào cha nhìn đứa con thời tên, họ cha phải kê vào).	Lê-van-Hoàng
Cha làm nghề gì ?	Giáo-sanh
Nhà cửa ở đâu ?	Tại làng Vạn-Xuân
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Thị-Yên
Mẹ làm nghề gì ?	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu ?	Tại làng Vạn-Xuân
Vợ chánh hay vợ thứ nấy ?	Vợ chánh

Tên, họ người khai	Lê-văn-Hoàng
Mấy tuổi ?	20 tuổi
Làm nghề gì ?	Gióm-sạch
Nhà cửa ở đâu ?	Tại làng Vạn-Xuân

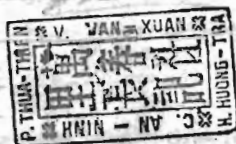
Tại Vạn-xuân, ngày mồng sáu tháng bảy năm
một ngàn chín trăm ba mươi mốt (6-7-1931) ./.

Người khai, Tri-Bộ,
Lê-văn-Hoàng. Lê-khắc-Hiệp.

Trích-lược,
Tri-Bộ,
Nguyễn-doãn-Dụ,

Ngày 3 tháng 5 Bắc-Dại thứ 20.

Nhận-thiết :
Lý-trưởng làng Vạn-Xuân,



Sao y nguyên-văn,

Thuận-Huế, ngày 6 tháng 5 năm Bắc-Dại
thứ 20 (15-5-1945)

Thủ-bộ, Hoàng

2

0	0	3	7	8	6	0	0	2	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/QĐ ngày 10 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TÔN THẮT NHIỀU Sinh năm 19 29

Các tên gọi khác

Nơi sinh Thanh hóa

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

20/55B, Đường 3/2, P21, Q10, TP: Hồ Chí Minh

Can tội Trùng tặc cảnh sát nguy

Bị bắt ngày 13/06/1975 An phạt 03 năm TCTP

Theo quyết định, án văn số 55 ngày 17 tháng 09 năm 76 của

Bộ nội vụ

Đã bị tăng án 03 lần, cộng thành 09 năm tháng

Đã được giảm án 2 lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 20/55B, Đường 3/2, P21, Q10, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Xác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, chấp hành cải tạo khá.

- Đồng ý chuyển quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho được sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường: Phường 21

Trước ngày 30 tháng 09 năm 19 87

Lam tay người tổ chức

Của Tôn Thắt Nhiều

Mộ (tên, chức vụ người được cấp giấy

Ngày 18 tháng 9 năm 19 87

Định biên số 1750

Lập tại NV 15

Giám thị



NGUYỄN VĂN DẶNG



Chấn an Văn

VIỆT-NAM, CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP HUẾ

Việc tố tụng số 384

ngày 19.11.1956.

TÒA HÒA-GIẢI HÒNG-QUYỀN QUẢNG-TRỊ

BIÊN BẢN THẾ-VÌ KHAI - SINH

Của Ông TÔN-THẤT-NHIỀU



ăm một ngàn chín trăm năm mươi Sáu

Ngày Hai mươi một

Tháng Mười một,

Trước mặt chúng tôi là LÊ-VĂN-HY, Chánh-Án

Tòa H.G.R.Q. Quảng-Trị,

có Ông PHAN-QUANG-TRÌNH Lục-sự ngồi giúp việc,

Có (tên tuổi và quân-chỉ nguyên đơn) Tôn-thất-Nhiều 27 tuổi, trú phường Đỗ-Tam Thị-xã Quảng-Trị. Kiểm-tra 410083/29A.000380 do Ty Cảnh-Sát Quảng-Trị cấp 23-7-

1955, đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của y

được, vì lẽ hồi ấy tại Trung-Việt chưa thiết-lập Nhân-thê-bổ,

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của nhân cũng có tên tuổi quân-chỉ sau do y triệu gọi đến để lập cho y biên-bản thay thế chứng-thư hộ tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện : 3.0.

1^o) Lê-Biến 46 tuổi, trú làng Tri-Bù, quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-Trị, the kiểm-tra số T410342/10A.0102 do quận Hải-lăng Quảng-Trị cấp ngày 11-8-1955 ;

2^o) Lê-thiến-Hoàng 39 tuổi, trú làng Tri-Bù, Hải-lăng, tỉnh Quảng-Trị, the kiểm-tra số T410342/17A.0205 do quận Hải-lăng Quảng-Trị cấp ngày 21-8-1955 ;

3^o) Phan-đình-Luyên 46 tuổi, trú phường Đỗ-Tam Thị-xã Quảng-Trị, the kiểm-tra số T410083/10A.001888 do Ty Cảnh-Sát Quảng-Trị cấp ngày 23-7-1955 ;

Ba nhân-chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên và các điều 337 Hiến luật Trung-Việt

tội nguy chứng và việc Hộ, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng :

TÔN-THẤT-NHIỀU, con trai, Quốc-tịch Việt-Nam, đã sinh ngày mồng Sáu, tháng Chín, năm một nghìn chín trăm Hai mươi chín (6.9.1929) tại làng Văn-Xá, quận Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, con của Ông Tôn-thất-Châu 54 tuổi và bà Cao-thị-Phạm 55 tuổi .

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy Khai-sinh
của y nói trên được vì lẽ hồ sơ tại Trung-Việt
chưa thiết-lập Nhân-thẻ-bộ.
Chiếu giấy

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47
và Điều 48 Trung-Việt Hộ-luật lập biên-bản để thế vì
Khai-sinh cấp cho Ông Tôn-thất-Nhất,

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 19-II-1956.

Làm tại Tòa-án Trị ngày, tháng, năm như trên, sau khi đọc lại
đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với chúng tôi và
Ông Lục sự.

Lục sự,

Chánh-án,

Số : 12-11-11

Đã ký : Ông Lục sự,

Nhân chứng ký tên :

Đương sự ký tên :

Lê-Diện,

Lê-thiên-Hoàng,

Tôn-thất-Nhất,

Phan-Đình-Luyện,

Trực-bà tại Huế

Ngày 1 tháng 12 năm 1956

Quyển 5, tờ 76 số 1671

Thẩm : Sáu mươi lăm

CHỦ SỰ,

KY/ PHAN-VAN-DAT

SAO Y CHANH BAN
Quảng-Trị, ngày 12 tháng 1 năm 1956
CHANH LỤC-SỰ,



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 651359 CN

Họ và tên chủ hộ : Lê Thị Kiều

Ấp, ngõ, số nhà : 20/B.55

Thị trấn, đường phố : 3. tháng 2

Xã, phường : 12

Huyện, quận : Mười

Ngày 26 tháng 12 năm 1989

Trưởng công an : Phan Văn Sơn

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số chứ tư	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bê Thị Hiền	chủ hộ	Nữ	10.6.51	020707416		4.5.80		
2	Còn Thị Bắp	con	Nam	20.11.54	020754411		17.1.79		
3	Còn Nữ Huyền Nga	con	Nữ	8.10.55			17.1.79		
4	Còn Nữ Huyền - Thường	con	Nữ	8.11.56	020754278		17.1.79		
5	Còn Thị Huyền	con	Nam	9.7.58	022527146		17.1.79		
6	Còn Nữ Huyền - Thường	con	Nữ	30.1.65	020754410		17.1.79		
7	Bê Huệ' em họ	cháu	Nữ	14.12.83			18.1.84		
8	Nữ Thị Huyền Châu	dâu	Nữ	1954			29.1.85		
9	Còn Nữ Hồng Tâm	cháu	Nữ	9.1.85			20.2.85		
10	Còn Thị Hiền	chồng	Nam	1929	022527186		16.11.87		
11	Bê Thanh Kiệt	cháu	Nam	3.10.89			3.11.89		

Tỉnh Thừa-Thiên
Huyện Hương-Trà
Xã Vạn-Xuân

GIẤY KHAI-SANH

Số hiệu } 5

Tên, họ đứa con nít	LÊ-THỊ-KIỆU
Nam, nữ ?	Con gái
Sanh tại chỗ nào ?	Tại làng Vạn-Xuân
Sanh ngày nào ?	Ngày mùng mười tháng sáu năm một ngàn chín trăm ba mươi mốt (10-6-1931)
Tên, họ cha (như con sanh không lễ cưới thời phải kê tên họ mẹ mà thôi; nhưng khi mẹ cha nhìn đứa con thời tên, họ cha thời kê vào).	Lê-van-Hoàng
Cha làm nghề gì ?	Giáo-sanh
Nhà cửa ở đâu ?	Tại làng Vạn-Xuân
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Thị-Yên
Mẹ làm nghề gì ?	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu ?	Tại làng Vạn-Xuân
Vợ chồng hay vợ thứ nấy ?	Vợ chánh

Tên, họ người khai	Lê-văn-Hoàng
Mấy tuổi ?	22 tuổi
Làm nghề gì ?	Giám-sanh
Nhà cửa ở đâu ?	Tại làng Vạn-Xuân

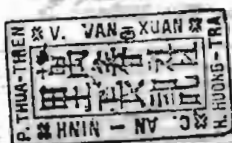
Tại Vạn-Xuân, ngày mồng sáu tháng bảy năm
(1931) một ngàn chín trăm ba mươi một (6-7-1931) ./.

Người khai, Tri-Bộ,
Lê-văn-Hoàng, Lê-khắc-Kiếp,

Trích-lục,
Tri-Bộ,
Nguyễn-đoàn-Dạ,

Ngày 3 tháng 5 Bão-Đại thứ 20.

Nhận-thiết :
Lý-trưởng làng Vạn-Xuân,



Sao y nguyên-văn,
Thượn-khuê, ngày 6 tháng 5 năm Bão-Đại
thứ 20 (15-6-1945)

Tỉnh Phước Ninh

Phủ, Huyện Phước Ninh

Xã Phước Ninh

GIẤY KHAI GIA THƯ

Số hiệu

(Acte de mariage)

Lễ chửa đẻ mà lược
biên án tòa sưu giết
khải này lại hoặc đã
biên các cuộc chú thê.

Tên họ người chồng. <i>Nom et prénom du mari.</i>	<u>Ông. Thái. Diên</u>
Người chồng làm nghề nghiệp gì và ở đâu (làng, huyện, tỉnh nào). <i>Sa profession et son domicile.</i>	<u>Đang làm nghề buôn bán ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>
Người chồng sanh ngày, tháng, năm nào sanh ở đâu và chánh quán ở đâu. <i>Date et lieu de naissance.</i>	<u>Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1920 ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>
Tên họ ông thân người chồng <i>Nom et prénom du père du mari.</i>	<u>Ông. Thái. Chấn</u>
Ông thân người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi nghề nghiệp, sanh quán và chánh quán <i>Son âge, sa profession son origine et son domicile.</i>	<u>Đã chết, hiện tại không rõ, sanh ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>
Tên họ bà mẹ người chồng. <i>Nom et prénom de la mère du mari.</i>	<u>Cửu. Thị. Liên</u>
Bà mẹ người chồng mấy tuổi hay chết rồi nghề nghiệp, sanh quán và chánh quán. <i>Son âge, sa profession son origine et son domicile.</i>	<u>Đã chết, hiện tại không rõ, sanh ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>
Tên họ người vợ. <i>Nom et prénom de l'épouse.</i>	<u>Bà. Thị. Kiên</u>
Người vợ làm nghề gì và ở đâu (làng huyện, tỉnh nào). <i>Sa profession et son domicile.</i>	<u>Đang làm nghề buôn bán ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>
Người vợ sanh ngày, tháng, năm nào, sanh ở đâu và chánh quán ở đâu. <i>Date et lieu de naissance.</i>	<u>Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1920 ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>
Tên họ ông thân người vợ. <i>Nom et prénom du père de l'épouse.</i>	<u>Ông. Văn. Hoàng</u>
Ông thân người vợ mấy tuổi, hay chết rồi nghề nghiệp, sanh quán và chánh quán <i>Son âge sa profession son origine et son domicile.</i>	<u>Đã chết, hiện tại không rõ, sanh ở xã Phước Ninh, huyện Phước Ninh, tỉnh Phước Ninh.</u>

Là chưa đề mà lược
biên án tòa tòa giấy
khởi này lại hoặc đề
hiện các cước chủ khác

Tên họ bà mẹ người vợ.
Nom et prénom de la mère de l'épouse

Nguyễn Thị Yên

Bà mẹ người vợ mấy tuổi, hay chết rồi
nghề gì, sanh quán và chánh quán.
Son âge, sa profession, son origine et son
domicile.

Mất, nay ở đâu, nghề gì, sanh quán và chánh quán, chết rồi, nghề gì, sanh quán và chánh quán.

Tên, họ, tuổi, nghề, chỗ ở, sanh quán và
chánh quán người làm chứng thứ nhất
(nếu cha mẹ đời bên đều có đứng vào
giấy khai này thì không cần người chứng).
Nom prénom âge, profession, domicile et
origine du 1er témoin.

Mất, nay ở đâu, nghề gì, sanh quán và chánh quán, chết rồi, nghề gì, sanh quán và chánh quán.

Tên, họ, tuổi, nghề, chỗ ở, sanh quán
và chánh quán của người chứng thứ nhì
Nom prénom âge, profession, domicile et
origine du 2e témoin

Mất, nay ở đâu, nghề gì, sanh quán và chánh quán, chết rồi, nghề gì, sanh quán và chánh quán.

Cưới ngày, tháng, năm nào.
Date du mariage.

Mất, nay ở đâu, nghề gì, sanh quán và chánh quán, chết rồi, nghề gì, sanh quán và chánh quán.

Cưới làm vợ chánh vợ kế hay vợ thứ
Femme légitime ou concubine

Vợ chánh
Femme légitime

Ấy nay, làm tại tháng

Ông thân:
người chồng (1)

Ông thân:
người vợ (1)

Bà mẹ:
người chồng (1)

Bà mẹ:
người vợ (1) NHẬN-THỰC
Tri-bộ làng

Yên

Yên

Yên

Yên

Người chồng (1) người vợ (1) Người làm chứng thứ nhất (1) Người làm chứng thứ nhì (1)

Yên

Chứng nhân làng Vạn-xuân
chứa ở Ban lý-hàng và nhân
thất lời khai trên ./.

Phụng trích lục Tri-bộ làng

Hàng-Trà, ngày 13-3-1950
HUYỆN - PHUONG,

Kiểm tra để công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này.

Phải B. E. : Chữ trắng không, chữ phải kéo một nét tặc.

Chữ này Tri bộ phải biên tên, họ của người đã ký ở bên dưới.

Tính từ trong phải lấy chữ này.

Bác lý thành phố Huế
Thư ký Thưa



VIỆT-NAM, CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP HUẾ

Việc tho lý số 364

ngày 19.11.1956.

TÒA HOÀ-GIẢI-RONG-QUYỀN-QUẢNG-TRỊ

BIÊN BẢN THỂ-VÌ KHAI-SINH

Củ Ông TÔN-THẤT-NHIÊU



ăm một ngàn chín trăm năm mươi Sáu

Ngày Hai mươi một

Tháng Mười một,

Trước mặt chúng tôi

LÊ-VĂN-HY, Chánh-Án

Tòa H.G.R.Q. Quảng-Trị,

có ở PHAN-QUANG-TRÌNH

Lục-sự ngồi giúp việc,

Có (tên tuổi và quân-chỉ nguyên đơn) Tôn-thất-Nhiêu 27 tuổi, trú phường Đệ-Tam Thị-xã Quảng-Trị, Kiểm-tra 410083/29A.000380 do Ty Cảnh-Sát Quảng-Trị cấp 23-7-1955, đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của y

được, vì lẽ hồ sơ tại Trung-Việt chưa thiết-lập Nhân-thẻ-bộ.

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi quân-chỉ sau do y triệu gọi đến để lập cho y biên-bản thay thế chứng-thư họ tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện: O.O.

1o) Lê-Biến 46 tuổi, trú làng Trí-Bùu, quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-Trị, thẻ kiểm-tra số T410342/10A.0102 do quận Hải-lăng Quảng-Trị cấp ngày 11-8-1955 ;

2o) Lê-thiên-Hoàng 39 tuổi, trú làng Trí-Bùu, Hải-lăng, tỉnh Quảng-Trị, thẻ kiểm-tra số T410342/17A.0205 do quận Hải-lăng Quảng-Trị cấp ngày 21-8-1955 ;

3o) Phan-dinh-Luyến 46 tuổi, trú phường Đệ-Tam Thị-xã Quảng-Trị, thẻ kiểm-tra số T410083/10A.001688 do Ty Cảnh-Sát Quảng-Trị cấp ngày 28-7-1955 ;

Ba nhân-chứng trên đây sau khi nghe đọc các khoản nói trên và các điều 337 Hình luật Trung-Việt

phát-tội nguy chứng về việc Hô, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng: TÔN-THẤT-NHIÊU, con trai, quốc-tịch Việt-Nam, đã sinh ngày mùng Sáu, tháng Chạp, năm một nghìn chín trăm Hai mươi chín (6.9.1929) tại làng Văn-Xa, quận Hướng-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, con của Ông Tôn-thất-Châu 54 tuổi và bà Cao-thị-Phân 55 tuổi.

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của y nói trên được vì lẽ hồi ấy tại Trung-Việt chưa thiết-lập Nhân-thất-bộ.

Chiếu giấy

Bởi vậy Bản Toà chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và Điều 48 Trung-Việt Hộ-luật lập biên-bản đồ thờ vì Khai-sinh cấp cho Ông Tôn-thất-Nhiều,

theo như đơn xin đã đề tại Bản Toà ngày 19-II-1956.

Làm tại Toà-án Q. Tri ngày, tháng, năm như trên, sau khi đọc lại đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với chúng tôi, và Ông Lục-sự.

- Lục-sự,

Chánh-án,

Đã ký : LÊ-VAN-HY

Đã ký : Phan-quang-Trình,

Nhân chứng ký tên :

Đương-sự ký tên :

Lê-Điện,

Lê-thiên-Hoàng,

Tôn-thất-Nhiều,

Phan-đỉnh-Luyện,

Trước bạ tại Huế

Ngày 1 tháng 12 năm 1956

Quyển 5 tờ 78 số 1671

Thần : Sáu mươi Tổng

CHỦ SỰ,

KY/ PHAN-VAN-DAT

SAO Y CHANH BAN
Quảng-Trị, ngày 12 tháng 12 năm 1956
CHANH LUC-SU



EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUN 6, 1965

(500,469)

TO WHOM IT MAY CONCERN:

TON THAT NHIEU	BORN	2 SEP 29	(IV 500469)
LE THI KIEU	BORN	10 JUN 31	"
TON THAT LUYEN	BORN	9 JUL 31	"
TON THAT TAP	BORN	20 NOV 54	"
TON HU HUYNH HOA	BORN	8 OCT 55	"
TON HU HUYNH PHUONG	BORN	3 NOV 55	"
TON THAT TRONG	BORN	14 FEB 60	"
TON HU HUYNH TRANG	BORN	30 JAN 63	"

ADDRESS IN VIETNAM: 20/355 DUONG 3 THANG 2,

P.11

Q.10

T.P. HO CHI MINH

VEWLA: 29157

SU QUAN HOA KY CHO PHOP NHUNG NGUOI CO TEN TRÊN BAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NHAP DOI TAI SU QUAN HY DE BANG HOA KY, VOI DICH KIEN HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP DUOC DAC TRACH TY NAM (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAU GIOR THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY LUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THILT DE ROI VIET NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI SE TRÊN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.



ODP-1
10/31

Memphis March 21, 1990.

Kính thưa cô Thơ và quý hội,

Cháu xin cảm ơn cô và quý hội đã thông báo cho cháu biết những giấy tờ mà gia đình cháu đã phải cần gửi đến quý hội.

Kèm theo thư này, cháu xin gửi đến cô các thứ giấy tờ của gia đình cháu mà cô bảo cần phải gửi: gồm có 7 giấy xuất cảnh của gia đình ở VN và các thứ giấy tờ liên quan.

Cháu xin chúc cô và quý hội luôn luôn được mạnh khỏe, gặt hái được nhiều thành công.

Cháu,

Tonhathbroy

From: THONG T. TON

Memphis TN. 38104
USA



APR 03 1990

To: Mr. KHUC MINH THO
C/o Vietnamese Families of
Political Prisoners Association.
PO BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635

Pages Removed (S.S.)

1 page(s) was/were removed from the file of TÔN THẤT NHƯỜNG & LÊ THỊ KIỀU
(9-6-1929
6-10-1931) due to containing Social Security numbers. The page(s) was/were copied
with the Social Security numbers covered up. The copy/copies was/were placed into the
file of TÔN THẤT NHƯỜNG & LÊ THỊ KIỀU. The original(s) was/were placed
into the Restricted/Reserved files.

-Anna Mallett

Date: SEPTEMBER 27th 2007



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 500,469

VEWL.#: 29157

I-171#: Y (NO)

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TÔN THẤT NHIỄU
Last Middle First

Current Address: 20/B55 đường 3 tháng 2 - Phường 12 Q.10 HOCHIMINH
CITY

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) Lt. Colonel of Police - Inspector, Phoenix Bloc.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 13, 1975 To Sept 14, 1987
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: THONG T. TON
Name
Memphis TN. 38104
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>THONG T. TON</u>	<u>Son of</u>
<u>Memphis TN 38104</u>	<u>Applicant</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TON THAT NHIEU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI KIEU	June 10, 1931	Wife
TON THAT TAP	Nov 20, 1954	Son
TON NU HUYEN NGA	Oct 8, 1955	daughter
TON NU HUYEN PHUONG	Nov 8, 1956	daughter
TON NU HUYEN TRANG	Jan 30, 1963	daughter
TON THAT LUYEN	July 9, 1958	son.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV#: 500,469

VEWL.#: 29157

I-171#: Y (NO)

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TÔN THẤT NHIỄU
Last Middle First
- Current Address: 20/B55 đường 3 tháng 2 - Phường 12 Q.10 HOCHIMINH
CITY
- Date of Birth: _____ Place of Birth: _____
- Previous Occupation (before 1975) Lt. Colonel of Police - Inspector, Phoenix Bloc.
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 13, 1975 To Sept 14, 1987
Years: _____ Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: THONG T. TON
Name Memphis TN. 38104
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|----------------------------------|------------------|
| <u>THONG T. TON</u> | <u>Son of</u> |
| <u>Memphis TN 38104</u> | <u>Applicant</u> |

If you are e
and have not
Also, person
INS Form I-1

TravelersExpress

Money Order

TRAVELERS EXPRESS COMPANY INC. - DRAWER
P.O. BOX 9476, MINNEAPOLIS, MN 55480

DATE May 22, 1990

PAY TO THE ORDER OF MS. KHUC MINH THO Families of Vietnamese Political Prisoners Association

AMOUNT 200.00 DOLLARS

Payable thru
Norwest Bank
Minn. So. N.A.
Faribault, MN

SIGNATURE Jonhalkhor ADDRESS Memphis TN 38104

BY SIGNING YOU AGREE TO THE SERVICE CHARGE AND OTHER TERMS ON THE REVERSE SIDE

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUN 6, 1985

TO WHOM IT MAY CONCERN:

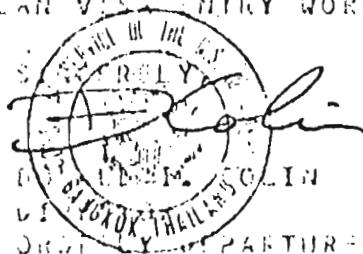
TON THAT NHIEU	BORN	6 SEP 29	(IV 500469)
LE THI KIEU	BORN	10 JUN 31	..
TON THAT LUYEN	BORN	9 JUL 38	..
TON THAT TAP	BORN	20 NOV 54	..
TON NO HUYEN NGA	BORN	8 OCT 55	..
TON NU HUYEN PHUONG	BORN	8 NOV 56	..
TON THAT THONG	BORN	14 FEB 60	..
TON NU HUYEN TRANG	BORN	30 JAN 63	..

ADDRESS IN VIETNAM: 20/B55 DUONG 3 THANG 2,
P.21
Q.10
T.P. HO CHI MINH

VIEW#: 29157

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TRÊN DÂY DỊ
BANGKOK, THAI-LAN, ĐỂ HỢP ĐỒI TÀI SU QUAN HỖ ĐE BANG HOA KY,
VOI DIEU KIỆN HỒ ĐUOC KHAN SUC KHOR TAI VIET NAM, VA DUOC
PHONG VAN QUA DAI DIEN CHO LY LICH HIIP DUOC DAC TRACH TY NAY
(UNHCR). CHÚNG TÔI YEU CẦU GIỎI THAM QUYEN CẤP CHO HỒ GIAY
ADAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIỆT DE RƠI VIET NAM./
THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS
TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS
EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE
A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE
OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES
(UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND
THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KÉ TRÊN ĐA ĐUOC UNHCR BI NHHI TÔI THAM QUYEN
VIET NAM THEO DANH SACH CHIED KHAN NHAP CANH HOA KY./
THE NAMES ABOVE HAVE BEEN ADMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHOR-
ITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.





ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF

ODP # IV# 500,469 (for only TON

(If known)

DATE FILED MAY 21, 1990 THAT TAP

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/R/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
<u>TON THAT TAP</u>	<u>M</u>	<u>VIETNAM, Nov. 20, 1954</u>	<u>Brother</u>	<u>20/B55 đường</u>
<u>VUTHI QUYNH CHAU</u>	<u>F</u>	<u>VIETNAM, Sept 28, 1954</u>	<u>Sister-in-law</u>	<u>3 thang 2</u>
<u>TON NU THANH TAM</u>	<u>F</u>	<u>VIETNAM, Jan 09, 1985</u>	<u>Niece</u>	<u>10th District HOCHIMINH</u>

SECTION II:

Your name THONG THAT TON

(and A/R/A)

Date of birth Feb 14, 1960 Sex M

Place of birth

(Include Country) Hue, VIETNAM

Current address

Memphis TN 38104

USA

Phone Number (home)

(work)

Country of first asylum THAILAND

Date you arrived in the U.S. Sept 11, 1989

Social Security Number

Agency through which you came to the United States United States Catholic Conference

Allen Number (if applicable) VIETNAM

Your U.S. Immigration Status

(Check one):

☐ U.S. Citizen

☐ Permanent Resident

☒ Refugee

☐ Asylee

☐ Other (Please Explain):

Your Original Case Number

T# 587538

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit Yes V No. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975, political prisoners, or Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S., political prisoner, Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
-----------------------------	-------------------------	-------------------	-----------------------

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: _____ Last Title/Grade: _____
Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: _____ Last Title/Grade: _____
Name/Position of Supervisor: _____

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes _____ No _____ Date: From _____ to _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: _____ Location: _____
Type of Degree or Certificate: _____
Date Employment or Training: from (month/year) _____ to (month/year) _____

ASIAN AMERICANS

Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father: _____
His current address: _____

SECTION IV:

**NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES**

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

The IV number (500,469) was issued to TON THAT TAP only,
prior to his marriage.

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.


Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this 21ST day
of MAY, 19 90


Signature of Notary Public

My commission expires: Nov. 10, 1992

SECTION VI: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly

Signature



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF

ODP # IV# 500,469 (for only TON NU
(If known) HUYEN NGA)
DATE FILED MAY 21, 1990

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/R/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
TON NU HUYEN NGA	F	VIETNAM, Oct 08, 1955	Sister	20/B55 đường
LE NGUYEN HANH	M	VIETNAM, April 20, 1955	Brother-in-law	3 tháng 2
LE QUE HUONG	F	VIETNAM, Dec 14, 1983	Niece	10th District.
LE THANH KHIET	M	VIETNAM, Oct 03, 1989	Nephew	HOCHIMINH CITY VIETNAM

SECTION II:

Your name THONG THAT TON Alien Number (if applicable) _____
(and A/R/A) _____
Date of birth Feb 14, 1960 Sex M Your U.S. Immigration Status
Place of birth _____ (Check one):
(Include Country) Hue, VIETNAM () U.S. Citizen
Current address _____ () Permanent Resident
_____ Memphis TN 38104 (X) Refugee
_____ USA () Asylee
Phone Number (home) _____ () Other (Please Explain): _____
(work) _____
Country of first asylum THAILAND Your Original Case Number
Date you arrived in the U.S. Sept 11, 1989 T# 587538
Social Security Number _____
Agency through which you came to the United States _____

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit. Yes V No. If yes, date submitted: _____
and date approved: _____

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoners; Asian Americans.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
-----------------------------	-------------------------	-------------------	-----------------------

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: _____ Last Title/Grade: _____
Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: _____ Last Title/Grade: _____
Name/Position of Supervisor: _____

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes _____ No _____ Date: From _____ to _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: _____ Location: _____
Type of Degree or Certificate: _____
Date Employment or Training: from (month/year) _____ to (month/year) _____

ASIAN AMERICANS

Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father: _____
His current address: _____

SECTION IV:

**NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES**

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

The IV-number (500, 469) was issued to TON NU HUYEN NGA only, prior to her marriage.

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Tonhathony
Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this 21ST day
of MAY, 1990

Mary Jo Maranice
Signature of Notary Public

My commission expires: Nov 10, 1992

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly

Signature

Memphis, TN May 21, 1990.

Cô kính,

Cháu đã nhận được thư của hội đã lâu, khoảng gần 5 ngày nay. Sáng nay cháu hoàn tất mấy bản Affidavit of Relationship cho gia đình và gửi tới hội.

Cháu xin cảm ơn cô và quý hội về sự giúp đỡ của quý hội.

Cháu xin gửi đến hội một bản báo VN đang về chỉnh sách của chính quyền VN về đặc cho tư nhân đi và chỉnh sách của Mỹ tái cứu xét những người có tên trong LOI mà đã có gia đình, nay cháu xin gửi đến cô 2 tờ Affidavit of Relationship cháu đã làm cho anh và chị cháu, đã có tên trong LOI mà cũng có gia đình. Nếu chỉnh sách của Mỹ có gì thay đổi, mà phái đoàn Mỹ có đòi hỏi những giấy tờ này, mong cô giúp đỡ cho cháu biết phải cần những gì hơn. Hiện nay ở VN có những người có I-171 thì được đi hết toàn bộ gia đình, mà cháu mới tới đây tháng 9/90 nên không làm gì hơn được.

Cháu xin chúc cô và hội được dồi dào sức khỏe và nhiều may mắn.

TB. Hội có nhắn cháu liên lạc với hội sau 7 giờ PM, vậy tới thứ 2 tuần sau, 28/5. cháu xin phép gọi lúc 7 PM.

Vì ở xa, không thể gia nhập hội, cháu xin dành 1 money order 20 US theo đây đóng góp với hội.

- Giấy photo xuất cảnh cháu đã gửi cho hội

Cháu,
Lonhallhory

HỘI NGHỊ KỸ THUẬT LẦN BA VỀ CHƯƠNG TRÌNH HO. Ấn, CAIP HCM Thư T 28 3/90

• MỸ ĐÃ TRAO DANH SÁCH 15.000 NGƯỜI VÀ ĐỀ NGHỊ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CẤP XUẤT CẢNH.

THEO đề nghị của phía Việt Nam ngày 19 tháng 3 năm 1990, tại TP Hồ Chí Minh, tổ công tác hỗn hợp Việt - Mỹ đã họp kỹ thuật lần ba để thảo luận nhằm tìm ra phương pháp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo thực hiện bằng được những điều mà đại diện của hai chính phủ đã cam kết về chương trình HO.

Tính đến giữa tháng ba năm 1990, sau gần nửa năm thực hiện chương trình HO, phía Việt Nam đã trao cho Mỹ ba danh sách hơn chín ngàn người, phía Mỹ tiếp nhận và đã tiến hành làm thủ tục nhập cảnh cho 6.264 người, trong đó chấp thuận cho nhập cư 5.594 người (đạt tỷ lệ 92%), từ chối nhập cảnh 253 người, chờ xét lại hồ sơ 233 người, còn lại 184 người không đến để làm thủ tục nhập cảnh với nhiều lý do, trong đó có một số người đã chết, một số đã xuất cảnh đi nước khác và một số tự nguyện rút đơn xin ở lại Việt Nam để làm ăn sinh sống.

Cũng tính đến thời gian trên, phía Mỹ chỉ mới gửi cho Tổ công tác Việt Nam danh sách nhập cảnh chính thức cho 2.151 người để lên chuyến bay xuất cảnh, trong đó 1224 người đã rời khỏi

Việt Nam. Như vậy số lượng bị đọng lại sau phỏng vấn còn hơn ba ngàn người. Với tốc độ giải quyết như hiện nay thì không thể nào thực hiện được thỏa thuận trước đây giữa phái viên đặc biệt của Tổng thống Hoa Kỳ, tướng J.Vessey với Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch là trong năm tài khóa 1989 - 1990 phía Mỹ sẽ nhận ít nhất là 12.000 người đi theo chương trình này. Do đó muốn thực hiện được thỏa thuận thì phải đẩy nhanh tất cả các khâu công tác, từ trao danh sách đến tổ chức phỏng vấn, khám sức khỏe và cuối cùng là

khẩu chuyên chở.

Về trao danh sách, phía Việt Nam sẵn sàng trao liên tục và gói đầu các danh sách cho phía Mỹ có đủ để làm thủ tục nhập cảnh.

Về tốc độ phỏng vấn, dần dần đã được nâng lên, trước đây phía Mỹ chỉ phỏng vấn mỗi tháng hơn một ngàn người, hai tháng gần đây đã nâng lên một ngàn rưỡi người mỗi tháng, tháng Tư tới phía Mỹ cho biết sẽ phỏng vấn hai ngàn người và tháng năm sẽ nâng lên hai ngàn năm trăm người.

(Xem tiếp trang 7)

bản vui đến thế.

Tối đó, Bác mệt nhưng vẫn bảo Đại Lâm triệu tập bà con lại để nghe Bác nói chuyện. Người dùng chiếc đệm thay cái băng, gạch nhanh mấy nét trên đó, thay cho bản đồ thế giới, minh họa cho câu chuyện Hồng quân Liên Xô đang phấn công. Đồng minh đã mở một trận thứ hai, Nhật đang thua ở Thái Bình Dương. Bác bảo: "Khi nào Hồng quân đánh đến

8. DÀN LA GỐC - ĐẠI CUỘC VÀ THỜI CƠ - SÁNG KIẾN LỚN

Từ đầu năm 1944, để quốc tăng cường khủng bố gắt gao vào vùng Pắc Bó, cho lính lùng sục liên miên sớm chiều. Nhà nhân dân ở tản mạn, chúng bắt dồn lại vào một khu vực tập trung, có rào lũy tre để chúng dễ bề kiểm soát. Không riêng gì Pắc Bó, những nơi có phong trào cao, chúng đều làm như thế.

nước, sản phẩm của người vào đánh thuế. Chúng xếp hàng, nắn ban mai. Người các cháu bé và lần lượt cho từng đứa. Bàn tay nặng xiềng xích mười hôm nay mới lại được mịn màng của trẻ nhỏ mặc quần áo bẩn và

ĐIỀU BÁC TÁM MONG MUỐN

O KP5 P2Q3 bà con đều biết về bác Nguyễn Văn Tám, người luôn tích cực tham gia việc giữ gìn ANTT cho địa phương.

Hồi còn ở P10Q3, bác Tám được bà con tín nhiệm giao nhiệm vụ Trưởng Ban Bảo vệ KP4 liên tục trong 10 năm (1975-1985).

Năm 1986, bác Tám chuyển về cư ngụ tại P2Q3. Anh CAĐP Trần Văn Sĩ đã tìm được ở bác Tám một CR nòng cốt trong phong trào

NHÀ MÁY DỆT PHONG PHÚ

NHÀ máy dệt Phong Phú thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, 14 năm liên tục hoàn thành kế hoạch sản xuất. Từ cuối năm 1987, nhà máy đi vào tự cân đối, sản phẩm đã chiếm lĩnh thị trường, đặc biệt ở khu vực II.

Đội đoàn tự vệ và phòng cháy chữa cháy đã góp phần không nhỏ vào thành tích chung của nhà máy. Lực lượng này vừa trực sản xuất vừa bảo vệ an toàn tài sản và tài sản XHCN. Ban đạo nhà máy không những chắc lực lượng bảo vệ mà quan tâm tạo điều kiện cho hiến sĩ huấn luyện tốt nghiệp, học tập chính trị và trình độ sẵn sàng chiến

chức thôn thời. dụng chốn phân ca tr 1 tiểu chắt sập, N nhà sinh gọn khi toàn hằm sẵn

ĐO ĐAY

MẮT VỚI 82 CHIẾC XÍCH LÔ

giờ ngày 18-3, 82 người Canada đã tụ họp tại sân Sài Gòn rồi kéo xích lô đi dạo mát. Đích cuối là nhà thờ Tin Lành ở 155 Hưng Đạo.

Ước chừng kiến cuộc dạo bằng xích lô với quy mô... từng thấy này, người dân Gòn ai cũng phải thừa quả là người Canada rất xích lô VN.

P.V

CHỪNG NHỮNG ĐÌNH



ng ngày 21-3, trước cửa hàng Lê Lai có những cây đã được đánh dấu một lần

quần quánh người, lấy giấy buộc lại rồi chế xăng tự đốt.

Chỉ vì rượu, và một chút nông nổi, ông Q đã tự kết liễu cuộc đời một cách đau đớn và thương tâm. Phải chi chuyện đã lỡ, ông cứ thành thật xin lỗi vợ chồng bạn. Vì chuyện say sưa, thường người ta cũng dễ tha thứ, nhất là khi biết hồi lỗi.

T.C

"THANH HƯƠNG" Ở NÔNG THÔN

Thạch Thị Sa Riêng, 24 tuổi, ngụ ấp 1 thị trấn Cầu Kè, thị xã Trà Vinh (Cửu Long) là chủ hụi và hụi viên của 25 dầy hụi. Riêng phần thị góp 60 phần!

Với thủ đoạn mỗi lần tới kỳ hốt hụi, thị Riêng đều kêu ca hơn người khác để hốt gọn, rồi mang tiền cho người khác vay lại, lấy lãi. Ngoài ra, thị còn lợi dụng lòng tin của anh H. chị P. mượn 11 chỉ vàng 24K.

Tuy rất mảnh mung, nhưng "khôn quá hóa rồ", ngày "vỡ nợ" tính ra thị Riêng đã âm 36.831.000 đồng, kê cả 11 chỉ vàng, rồi trốn biệt.

Hiện nay Thạch Thị Sa Riêng đã bị CA huyện Cầu Kè bắt giữ.

T.A

MÁNH CỬ VÂN... ĂN !

Nguyễn Mỹ Lê sanh 1966 ngụ 57E Trần Văn Đương P9Q3 đến đường Lê Thị Trung mua xe máy

không hậu quả s

KÊ TRỘM CHÙA ĐẦU TH

Cách đây khoảng bốn tên trộm Gi Chánh vào chùa đường Dương chuông chùa, lư. Ngay trong đêm, Hải, Chánh bị CA khi chúng đem hã Riêng tên Gia Châu Đốc nấu mìn nhiều lần đến giả viên giả ra trình di động tích cực củ ngày 20-3-90 tên Đốc lên TP đã đề diện. Gã được C sách khoan hồng chỉ lãnh về giáo dục t

GỖ BÀI THUA

Phạm Phú Qu 1963, ngụ tại 100 Đức phườn 5 P máu mẽ cờ bạc v tha. Ngày 16-3-19 bạc bị thua, chấy kể có tiền để gở nhà người quen anh Triệu ở p Thanh mướn 2 và 1 tivi màu 1 lầu 2 chỉ vàng s

HỘI NGHỊ... (Tiếp theo trang 1)

Về khâu khám sức khỏe, đoàn Mỹ cũng như viên chức IOM có mặt tại hội nghị đều thừa nhận việc tổ chức khám sức khỏe cho chương trình HO của bệnh viện 30 tháng 4 mỗi ngày một tốt hơn, đạt số lượng và hiệu quả ngày càng cao. Đoàn Việt Nam yêu cầu phía Mỹ rút ngắn thời gian chờ đợi kết quả khám sức khỏe, giảm thời gian điều trị cho những trường hợp mắc phải bệnh lao từ sáu tháng xuống hai tháng như trước đây đã làm, với thời gian hai tháng sẽ đủ để chữa trị cho căn bệnh không còn khả năng lây nhiễm, kéo dài điều trị sẽ không có lợi về mặt sức khỏe cho những người bị bệnh. Phía Mỹ hứa sẽ xem xét lại đề nghị này của phía Việt Nam.

Riêng vấn đề chuyên chở là khâu cuối cùng, nhưng rất quan trọng, hiện đang gây trở ngại cho chương trình. Đề tháo gỡ khó khăn này, phía Việt Nam chủ động đề nghị phía Mỹ và cơ quan IOM có thể thuê bao thêm các hãng hàng không nước ngoài khác để chuyên chở người xuất cảnh, một khi Hàng Không Việt Nam không đáp ứng nổi yêu cầu này. Có thể sử dụng tàu biển do lịch từ TP Hồ Chí Minh đi Bangkok và Manila để chở người xuất cảnh. Phía Mỹ hứa bằng mọi cách sẽ nâng số lượng người ra đi bắt đầu từ tháng Tư tới, riêng kê từ tháng Năm trở đi phía Mỹ đảm bảo sẽ có hơn một ngàn người ra đi một tháng và đến kết thúc tài khóa 1990 (hết tháng 9-1990) sẽ

giải quyết bằng được cho 9.000 người.

Kết thúc hội nghị, đoàn Việt Nam trao cho đoàn Mỹ danh sách HO4 gồm 880 gia đình, 4.458 người. Đoàn Mỹ cũng đã trao lại danh sách Mỹ xin (danh sách thứ 4) gồm 1009 gia đình, 5003 người và một danh sách bổ sung cho danh sách thứ nhất gồm 150 gia đình 743 người.

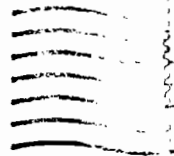
Trường đoàn Mỹ cũng đã hiệu chỉnh lại lời giải thích của trường đoàn nhập cư Hoa Kỳ nhân kết thúc đợt phỏng vấn tháng 2 năm 1990 về chính sách mới của Mỹ trong việc chấp nhận phỏng vấn và xét cho nhập cư những con trai, con gái đã có gia đình riêng của những người đã học tập cải tạo xin xuất cảnh theo chương trình HO là : phía Mỹ sẽ tiếp tục phỏng vấn con trai, con gái đã có gia đình riêng của những người đã học tập cải tạo nếu họ có giấy bảo lãnh của thân nhân tại Hoa Kỳ, cho dù bảo lãnh đó đã có giá trị hay chưa có giá trị, và người bảo lãnh phải là anh chị em ruột của họ. Như vậy thực chất là không có gì thay đổi cả, đây là những tiêu chuẩn qui định mà đoàn nhập cư IIC đã áp dụng cho gần nửa năm qua !

Rõ ràng là những yêu cầu của phía Mỹ, phía Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ, chương trình HO thực hiện nhanh hay chậm, số lượng ra đi nhiều hay ít là do phía Mỹ.

Ngoài ra, phía Mỹ đã trao danh sách 15.000 người thuộc diện HO, ODP ở các tỉnh phía Nam và đề nghị chính phủ Việt Nam cấp giấy xuất cảnh. Bộ Nội vụ cho phép báo CATPHCM lần lượt đăng danh sách này kể từ số báo 189 ra ngày 4/4/90

FROM: THONG T. TON.

Memphis TN. 38104.



MAY 29 1990

TO: Mme. KHUC MINH THO

President - FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION.

P.O. Box 5435, ARLINGTON
VA. 22205-0635

Pages Removed (S.S.)

2 page(s) was/were removed from the file of TÔN THẤT NHIỄU
(9-6-1929) due to containing Social Security numbers. The page(s) was/were copied with the Social Security numbers covered up. The copy/copies was/were placed back into the above mentioned file and the original(s) was/were placed into the Restricted/Reserved files.

-Anna Mallett

Date: October 10th 2007